

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 673 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 23 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Kon Tum
giai đoạn 2011- 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về việc ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 769/Tr-SNV ngày 05 tháng 6 năm 2012; đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh Kon Tum,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011- 2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế:

- Quyết định số 375/QĐ-CT ngày 26/6/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính;

- Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 18/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phân công phụ trách các nội dung cải cách hành chính;

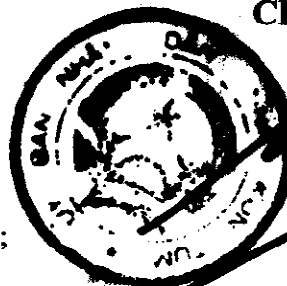
- Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 23/5/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011- 2015.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh và các Đoàn thể;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu VT-KSTTHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hùng

**KẾ HOẠCH
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH KON TUM
GIAI ĐOẠN 2011-2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

I. MỤC TIÊU.

1. Mục tiêu tổng quát.

a) Đến năm 2015, cơ bản xây dựng được một nền hành chính trong sạch, minh bạch, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tạo sự thông thoáng trong thực hiện thủ tục hành chính nhằm thu hút các nhà đầu tư, góp phần tăng trưởng kinh tế của địa phương; thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

b) Trọng tâm của công tác cải cách hành chính là đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; cải cách chế độ công chức, công vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ do cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp dịch vụ công cung cấp.

2. Mục tiêu cụ thể.

a) Đẩy mạnh công tác rà soát thủ tục hành chính; bãi bỏ hoặc đề nghị bãi bỏ các thủ tục hành chính rườm rà, gây phiền hà cho cá nhân, tổ chức; hoàn thiện các thủ tục hành chính mới theo hướng công khai, đơn giản và thuận tiện cho dân. Đến năm 2015, thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức, cá nhân được cải cách cơ bản theo hướng gọn nhẹ, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện; mỗi năm đều có tỷ lệ giảm chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước;

b) Tiếp tục đổi mới phương thức làm việc của cơ quan hành chính nhà nước ở các cấp, phấn đấu đến năm 2015 giảm 1/3 thời gian giải quyết các công việc của cá nhân, tổ chức tại cơ quan hành chính nhà nước so với năm 2011;

c) Cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả của cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Đến năm 2013, 100% cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo mô hình thống nhất, đúng quy định; sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với dịch vụ do cơ quan hành chính cung cấp đạt mức 65%. Đến năm 2015, sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với dịch vụ do cơ quan hành chính cung cấp đạt mức 80%.

d) Cơ cấu tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, huyện gọn nhẹ, hợp lý đúng theo quy định hiện hành; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực; một nhiệm vụ được phân công cho một cơ quan chịu trách nhiệm chính, không chồng chéo, trùng lặp; thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật và chính sách; tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập;

đ) Tiếp tục phân cấp và ủy quyền cho cơ quan chuyên môn của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và tổ chức bộ máy, đảm bảo sự kiểm soát và nâng cao tính tự chủ của các ngành, các cấp. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính;

e) Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị hành chính, sự nghiệp dịch vụ công được triển khai toàn tỉnh. Đến năm 2015, 100% các đơn vị hành chính, sự nghiệp phải thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định hiện hành; chất lượng dịch vụ công được nâng cao, nhất là trên các lĩnh vực giáo dục, y tế; sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với các dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trên các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức 65% vào năm 2015;

g) Đến năm 2015, 100% các cơ quan hành chính thực hiện cơ cấu công chức theo vị trí việc làm, khắc phục xong về cơ bản tình trạng công chức cấp xã không đạt tiêu chuẩn theo chức danh;

h) Từng bước hiện đại hóa công sở, trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết; xây dựng trụ sở xã, phường đảm bảo yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước;

i) Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước đến năm 2015:

- 85% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan hành chính được thực hiện trên mạng điện tử; cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc; 100% cơ quan hành chính từ cấp huyện trở lên đều ứng dụng quản lý hồ sơ văn bản và điều hành bằng phần mềm văn phòng điện tử; bảo đảm dữ liệu điện tử phục vụ hầu hết các hoạt động trong các cơ quan;

- 100% cơ quan hành chính nhà nước từ cấp huyện trở lên có trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định, cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến tới người dân và doanh nghiệp ở mức độ 2, một số dịch vụ công phổ biến được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3;

- 90% các cuộc họp làm việc giữa cơ quan hành chính cấp tỉnh và huyện được thực hiện qua hệ thống giao ban trực tuyến đa phương tiện của tỉnh.

II. NỘI DUNG.

1. Cải cách thể chế.

a) Đổi mới công tác xây dựng và nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương nhằm đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể và khả thi.

b) Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm của UBND các cấp được xây dựng sát với yêu cầu thực tế của địa phương;

c) Tăng cường công tác kiểm tra, thẩm định tính hợp pháp, hợp lý các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương; rà soát các quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để nâng cao chất lượng văn bản;

d) Thường xuyên rà soát và tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền hủy bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật mới ban hành; hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực và phổ biến rộng rãi đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và nhân dân;

đ) Triển khai thực hiện các thể chế về công chức, công vụ; về tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công theo quy định của Trung ương. Nhanh chóng triển khai, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật để cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân biết, thực hiện đúng pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính.

a) Tổ chức thực hiện có hiệu quả Bộ thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã và các sở, ban, ngành cấp tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

- Kịp thời công khai trên cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính và Công thông tin điện tử của tỉnh nhằm phục vụ nhu cầu tra cứu, sử dụng của người dân và doanh nghiệp;

- Đẩy mạnh công tác công khai thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính các cấp của địa phương theo mô hình thống nhất, đúng quy định;

b) Tiếp tục rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là thủ tục hành chính liên quan tới người dân, doanh nghiệp.

c) Nghiêm túc thực hiện công tác lấy ý kiến, đánh giá tác động quy định hành chính, tính toán chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Kiểm soát chặt việc ban hành mới các thủ tục hành chính của địa phương theo quy định của pháp luật; nghiêm cấm việc ban hành thủ tục hành chính trái thẩm quyền và hành vi đặt thêm yêu cầu, điều kiện, hồ sơ ngoài quy định của cấp có thẩm quyền trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức tại các cơ quan hành chính;

d) Thường xuyên rà soát, hệ thống thủ tục hành chính theo quy định mới của pháp luật và quy định quy trình, thời gian giải quyết để thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh, đảm bảo cho phù hợp với thực tế và điều kiện cụ thể của từng đơn vị, địa phương;

đ) Thực hiện thống nhất cách tính chi phí cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính ở địa phương;

e) Tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

3. Cải cách bộ máy.

a) Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính, sự nghiệp theo nguyên tắc việc nào cũng có cơ quan, đơn vị đảm nhiệm, mỗi việc chỉ do một cơ quan chủ trì thực hiện; khắc phục tình trạng bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ; phân định rõ giữa chức năng quản lý nhà nước

của cơ quan hành chính và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp theo quy định của bộ, ngành Trung ương;

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiến hành rà soát, sắp xếp hợp lý cơ cấu tổ chức trong nội bộ ngành, cơ quan theo hướng giảm đầu mối, bỏ trung gian, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, tránh chồng chéo, bỏ sót chức năng nhiệm vụ, nâng cao trách nhiệm của từng bộ phận và đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực hiện công việc;

c) Tiếp tục phân công, phân cấp để các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động thực hiện thẩm quyền được phân cấp; bảo đảm sự kiểm tra trong quá trình triển khai phân cấp để khi cần thiết có những điều chỉnh, can thiệp kịp thời;

d) Thực hiện việc đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với các dịch vụ do cơ quan hành chính cung cấp và các dịch vụ công về y tế, giáo dục;

đ) Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 93/2007/QĐ-TTg ngày 22/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương.

- Ban hành các giải pháp nâng cao chất lượng trong thực hiện cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông" tại cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương. Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế "một cửa liên thông" trong một số lĩnh vực dự án đầu tư, đất đai trong các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh;

- Thực hiện thống nhất và nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông" tập trung tại bộ phận tiếp nhận, trả kết quả thuộc văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, bảo đảm sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức.

a) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị; có năng lực, trình độ; có tính chuyên nghiệp cao, tận tụy phục vụ nhân dân thông qua các hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, có hiệu quả; bổ sung và hoàn thiện hệ thống chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ cán bộ, công chức, viên chức (*kể cả cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý*) theo quy định của Trung ương;

b) Xây dựng hợp lý cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm và chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức;

c) Hoàn thiện chế độ tuyển dụng, thực hiện thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh; thực hiện thí điểm thi cạnh tranh để bổ nhiệm và các vị trí lãnh đạo từ cấp phòng thuộc Sở và tương đương trở xuống;

d) Xác định nội dung, tiêu chí đánh giá, phương pháp đánh giá cán bộ, công chức và hướng dẫn các ngành, địa phương tiến hành việc rà soát, đánh giá cán bộ công chức theo quy định của Trung ương;

đ) Đổi mới phương thức và nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo hướng thiết thực, sát với yêu cầu thực tế, nâng cao kỹ năng hành chính, đảm bảo giải quyết tốt các yêu cầu của nhân dân và doanh nghiệp;

e) Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến khích thu hút sinh viên tốt nghiệp loại giỏi ở các trường đại học, những người có trình độ cao, có phẩm chất đạo đức tốt về làm việc tại tỉnh;

g) Làm tốt công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch cán bộ, công chức; trên cơ sở xây dựng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và cơ cấu công chức, tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại cán bộ để bố trí phù hợp và đưa ra khỏi cơ quan những công chức, viên chức không đủ tiêu chuẩn, thoái hoá, biến chất;

h) Hoàn thiện chế độ đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở kết quả công việc;

i) Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc tuyển dụng, đánh giá, bố trí sử dụng cán bộ công chức và thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức ở các ngành, các cấp.

5. Cải cách tài chính công.

a) Rà soát đánh giá hiệu quả việc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế tài chính đối với sự nghiệp công lập;

b) Xây dựng và ban hành tiêu chí cụ thể đánh giá mức độ hoàn thành đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh;

c) Tăng cường phân cấp quản lý ngân sách, quản lý tài sản công cho cấp huyện, cấp xã; tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị;

d) Trên cơ sở thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý biên chế và kinh phí. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng cơ chế khuyến khích, gắn việc hoàn thành nhiệm vụ với tiền thưởng, tiền lương tăng thêm để động viên, khích lệ cán bộ, công chức tích cực làm việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt quy chế công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Hiện đại hóa nền hành chính.

a) Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý quy trình công việc trong nội bộ cơ quan hành chính, trong giao dịch với các cơ quan hành chính khác và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân, đặc biệt là trong hoạt động cung cấp dịch vụ hành chính công;

c) Xây dựng hệ thống trang thông tin điện tử cho từng sở, ban, ngành nhằm tạo điều kiện cho việc trao đổi thông tin, cũng như sự tiếp xúc của người dân với các cơ quan nhà nước thông qua các cổng thông tin điện tử. Đến năm 2015, 100% Ủy ban nhân dân cấp huyện và sở, ban, ngành có trang thông tin điện tử (Website) riêng;

d) Xây dựng và sử dụng thống nhất biểu mẫu điện tử trong giao dịch giữa cơ quan hành chính, tổ chức và cá nhân đáp ứng yêu cầu đơn giản, thể chế và cải cách thủ tục hành chính;

đ) Bảo đảm các điều kiện và xây dựng lộ trình thích hợp để cung cấp các dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng; một số dịch vụ công thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh, cấp phép xây dựng... được cung cấp trên môi trường mạng đạt mức độ 3;

e) Đảm bảo đủ điều kiện để thực hiện các cuộc họp trực tuyến qua môi trường mạng giữa tỉnh với Trung ương và tỉnh với các huyện, thành phố;

g) Tiếp tục thực hiện Quyết định số 14411/QĐ-TTg ngày 06/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 349/KH-UBND ngày 09/3/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về đầu tư xây dựng trụ sở xã, phường bảo đảm yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước;

h) Thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ quan hành chính nhà nước;

i) Công bố danh mục các dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng do các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp huyện trở lên cung cấp;

III. CÁC GIẢI PHÁP VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN.

1. Giải pháp thực hiện.

a) Tăng cường công tác chỉ đạo triển khai cải cách hành chính từ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đến các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp của địa phương;

b) Nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu công tác cải cách hành chính ở các cơ quan, địa phương. Đồng thời có chế độ chính sách hợp lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện chuyên trách về công tác cải cách hành chính các ngành, các cấp;

c) Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh để có những giải pháp phù hợp, kịp thời nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính;

- Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan hành chính các cấp, kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, sai phạm.

- Xây dựng Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính ở các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

- Quy định kết quả thực hiện cải cách hành chính là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức;

d) Tổ chức điều tra xã hội học để đánh giá về trách nhiệm phục vụ của các cơ quan, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức;

đ) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành tại cơ quan hành chính các cấp, tập trung các lĩnh vực: giải quyết thủ tục hành chính, quản lý cơ sở dữ liệu và trao đổi thông tin điện tử;

e) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, của tổ chức, cá nhân tham gia vào tiến trình cải cách và giám sát chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

g) Nghiên cứu, trao đổi, học tập kinh nghiệm về cải cách hành chính với các địa phương khác;

h) Đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện Kế hoạch.

2. Kinh phí thực hiện.

a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành;

- Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án, đề án trên quy mô toàn tỉnh;

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bảo đảm kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính của mình từ dự toán chi ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác;

b) Khuyến khích việc huy động theo quy định pháp luật các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để triển khai kế hoạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm:

a) Căn cứ Kế hoạch này và Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, tiến hành xây dựng Kế hoạch hàng năm của ngành, địa phương và tổ chức thực hiện theo đúng chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Lập dự toán ngân sách thực hiện cải cách hành chính hàng năm gửi cơ quan chức năng (Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính) để tổng hợp, cân đối ngân sách tỉnh cho triển khai kế hoạch và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, địa phương; thời gian gửi dự toán ngân sách hàng năm cho triển khai kế hoạch cải cách hành chính cùng với thời gian gửi báo cáo dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, địa phương.

c) Lập dự toán kinh phí để thực hiện các đề án, dự án, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch 5 năm, hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền của cơ quan, địa phương;

đ) Định kỳ quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất báo cáo Sở Nội vụ tình hình thực hiện Kế hoạch theo hướng dẫn để tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Nội vụ:

a) Là cơ quan thường trực tổ chức triển khai Kế hoạch; chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa thành Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của tỉnh.

- Tham mưu các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hiện cải cách hành chính ở địa phương;

- Kiểm tra, tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch; báo cáo Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hàng quý, 6 tháng và hàng năm hoặc đột xuất;

- Trong quá trình thực hiện, căn cứ chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về công tác cải cách hành chính, kịp thời trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh theo đúng quy định;

b) Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tổ chức bộ máy và đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức;

c) Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với các dịch vụ hành chính do cơ quan hành chính nhà nước thực hiện và các dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trên lĩnh vực y tế, giáo dục;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và hướng dẫn triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính tại các cơ quan hành chính của tỉnh;

đ) Hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và dự toán ngân sách hàng năm; thẩm tra các nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm về cải cách hành chính của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố gửi Sở Kế hoạch - Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chung trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của cơ quan, địa phương;

e) Chủ trì tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về cải cách hành chính cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh;

g) Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo và đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện cải cách hành chính ở các ngành, các cấp;

h) Chủ trì triển khai công tác tuyên truyền về cải cách hành chính của tỉnh.

3. Sở Tư pháp:

a) Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế;

b) Xây dựng và đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của tỉnh;

c) Theo dõi, tổng hợp báo cáo việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế trên địa bàn tỉnh.

3. Văn phòng Ủy ban nhân tỉnh:

a) Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính;

b) Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Hướng dẫn thực hiện phương pháp tính chi phí cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi đến cơ quan hành chính nhà nước giải quyết các thủ tục hành chính.

d) Đầu mối tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Theo dõi, quản lý và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho hệ thống cán bộ đầu mối làm công tác đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại các cơ quan, địa phương (kể cả cấp cơ sở);

e) Tổ chức công khai hoạt động và văn bản chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên trang thông tin điện tử của cơ quan theo quy định của pháp luật; xây dựng và phát hành Công báo điện tử tỉnh;

g) Theo dõi, tổng hợp báo cáo việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

b) Đảm bảo bố trí đủ kinh phí thực hiện Kế hoạch này;

c) Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định kinh phí thực hiện kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, địa phương, tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền quyết định. Hướng dẫn các cơ quan, địa phương lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định;

d) Theo dõi, tổng hợp báo cáo việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách tài chính công trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước theo Kế hoạch; tổ chức triển khai các hoạt động liên quan đến công tác xây dựng Chính phủ điện tử;

b) Chủ trì quản lý, vận hành Cổng thông tin điện tử tỉnh; hệ thống thư điện tử tỉnh. Hướng dẫn công tác quản lý, vận hành các trang thông tin điện tử của sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

c) Phối hợp với các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh

trong công tác tổ chức lấy ý kiến dự thảo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính các cấp trên Cổng thông tin điện tử;

d) Phối hợp với Sở Nội vụ trong công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính;

đ) Theo dõi, tổng hợp báo cáo việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch.

6. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp trụ sở cơ quan hành chính các cấp theo Quyết định số 1441/QĐ-TTg ngày 06/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 349/KH-UBND ngày 09/3/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phân bổ vốn đầu tư cho các dự án; phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí sự nghiệp cho các đề án trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm về cải cách hành chính của các cơ quan hành chính của tỉnh.

8. Sở giáo dục - Đào tạo và Sở Y tế: Phối hợp với Sở Nội vụ trong công tác tổ chức đánh giá mức độ hài lòng của người dân với các dịch vụ giáo dục - đào tạo công và y tế công.

9. Báo Kon Tum, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh: Xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền và phản hồi ý kiến người dân, doanh nghiệp, tổ chức về cải cách hành chính của cơ quan hành chính các cấp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hàng